

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-10-2017

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng
2. Bà Thạch Thị Yên Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Quăng Thanh Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Hương M, sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M

- Ông Nguyễn Công H, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- Ông Trần Văn P, là Luật sư của Văn phòng luật sư BP thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lư Khánh T, sinh năm 1986, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15-8-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Thạch Thị Hương M trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Thạch Thị Hương M và anh Lư Khánh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2015. Sau khi cưới nhau vợ chồng về sinh sống bên cha mẹ chồng, đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi, cứ mỗi lần cự cãi thì anh T lại đuổi chị M ra khỏi nhà, vì quá sức chịu đựng nên từ tháng 4/2017 chị M về nhà mẹ ruột ở và ly thân đến nay. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lư Khánh T là đúng theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về nuôi con chung*: Chị M và anh T có 01 con chung tên Lư Gia H, sinh ngày 15/12/2015 hiện anh T đã bắt con. Cháu H là con gái, dưới 36 tháng tuổi, chị M có công việc và thu nhập ổn định nên yêu cầu xin được nuôi con của chị M là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại đơn khởi kiện bổ sung chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị M rút toàn bộ yêu cầu này, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng thừa nhận có một bộ vòng Si men trọng lượng khoảng 3,7 chỉ vàng 18k trị giá 9.000.000 đồng chị M đang quản lý. Anh T yêu cầu chia đôi, tuy nhiên anh T không làm đơn yêu cầu và Tòa án đã triệu tập hòa giải, xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên chị M yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về nợ chung*: Anh T khai nhận có nợ tổng cộng 18.410.000 đồng. Tuy nhiên các chủ nợ đều không khởi kiện, chị M không đồng ý với các khoản nợ trên. Chị M yêu cầu để tự thỏa thuận với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lư Khánh T vắng mặt, qua các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của Thạch Thị Hương M về thời điểm hai bên xác lập quan hệ hôn nhân. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị M tự ý bỏ nhà đi nhiều lần, anh không đồng ý ly hôn nhưng chị M kiên quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Cháu Lư Gia H, sinh ngày 15/12/2015, anh yêu cầu được nuôi và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi một bộ vòng Si men trọng lượng khoảng 3,7 chỉ vàng 18k trị giá 9.000.000 đồng chị M đang quản lý.

Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi trả tổng số tiền 18.410.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn

đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh Lư Khánh T; về con chung: Giao cháu Lư Gia H cho chị M nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị M rút yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của chị M; về tài sản và nợ chung: Dương sự yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân sơ thẩm cho chị Thạch Thị Hương M.

Phần kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lư Khánh T được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị Thạch Thị Hương M và anh Lư Khánh T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không còn tình cảm, hai bên đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm nhau, hai bên đều không qua lại và không có thiện chí để hàn gắn. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị M kiên quyết anh cũng chấp nhận. Do đó căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3] *Về quyền nuôi con*: Chị M và anh T có 01 con chung tên Lư Gia H, sinh ngày 15/12/2015 hiện anh T đang nuôi. Chị M và anh T đều có yêu cầu xin được nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con.

Chị M có thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Anh Lư Khánh T còn phụ thuộc vào kinh tế của gia đình, hiện anh T đã bắt con đi đâu không rõ tin tức.

Xét cháu Lư Gia H, sinh ngày 15/12/2015 đến nay chưa tròn 02 tuổi, là cháu gái và đã sống với chị M cho đến tháng 4/2017. Cháu H còn đang ở tuổi chưa hoàn thiện trong phát triển tâm sinh lý, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo hơn cho cháu về tất cả mọi mặt trong cuộc sống. Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị M.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại đơn khởi kiện bổ sung chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị M rút yêu cầu này. Xét việc rút yêu cầu của chị M là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M.

[5] *Về tài sản chung*: Quá trình giải quyết vụ án anh T yêu cầu chia đôi một bộ vòng Si men trọng lượng khoảng 3,7 chỉ vàng 18k trị giá 9.000.000 đồng. Tòa án đã triệu tập hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, anh T không khởi kiện yêu cầu chia tài sản, không thực hiện đúng thủ tục theo quy định của pháp luật. Chị M cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này mà để vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án anh T khai nhận có nợ tổng số tiền là 18.410.000 đồng và có cung cấp đầy đủ họ tên, địa chỉ của từng chủ nợ. Tuy nhiên khi Tòa án thông báo để các chủ nợ thực hiện quyền yêu cầu khởi kiện thì các chủ nợ đều chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này (*tại bút lục số 49, 50, 51*). Do vậy sự không khởi kiện nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Thạch Thị Hương M thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào các Điều 12, 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị M được miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 217, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Thạch Thị Hương M được ly hôn với anh Lư Khánh T.

2. *Về quyền nuôi con*: Chị Thạch Thị Hương M được trực tiếp nuôi con chung tên Lư Gia H, sinh ngày 15/12/2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung về cấp dưỡng nuôi con của chị M, chị M không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

5. *Về nợ chung*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp, không xem xét.

6. *Về án phí*: Chị Thạch Thị Hương M được miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên
tòa**

Nguyễn Thị Thanh Mai